CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HOÀ (HSX: SBT)

Trịnh Thị Minh Thảo
Chuyên viên tư vấn đầu tư
Email: thaottm@fpts.com.vn
Điện thoại: 1900 6446 - Ext: 7999

Người phê duyệt báo cáo:
Lê Thị Hòa
Trưởng phòng Tư vấn đầu tư

Giá hiện tại:	**20.200**
Giá mục tiêu:	**19.400**
Tăng/(giảm):	**-4,0%**

Khuyến nghị

THEO DÕI

KẾT QUẢ KINH DOANH SỤT GIẢM DO GIÁ ĐƯỜNG GIẢM SÂU

Chúng tôi khuyến nghị **THEO DÕI** đối với cổ phiếu SBT với giá mục tiêu là **19.400** VND/cp, thấp hơn **4,0%** so với mức giá đóng cửa tại ngày 12/05/2026 (bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFE và FCFF). Các luận điểm đầu tư chính như sau:

CẬP NHẬT KQKD 9T2025/26

Doanh thu và Lợi nhuận gộp lần lượt giảm 6,1% và 25,7% trong 9T2025/26 do (1) sản lượng tiêu thụ giảm 2,1% YoY, đến từ sự sụt giảm sản lượng xuất khẩu, khi SBT ưu tiên tiêu thụ kênh nội địa để bảo toàn BLNG (giá nội địa cao hơn thế giới 1 - 3%); và (2) giá bán đường giảm sâu (-11,7% YoY) do tình trạng dư cung đường toàn cầu (chi tiết).

TRIỂN VONG Q42025/26F VÀ NIÊN VU 2026/27F

➢ **Q42025/26F**

Doanh thu dự báo giảm 8,9% YoY do sản lượng đi ngang và giá đường vẫn ở mức thấp so với cùng kỳ (chi tiết). Cụ thể:

- Sản lượng tiêu thụ dự báo đi ngang (+2,2% YoY) do thị trường nội địa chững lại khi các đại lý đã mua gom tích trữ trong quý 3.
- Giá bán dự báo ở mức 17.000 VND/kg (+6,3% QoQ, -7,7% YoY), thấp hơn cùng kỳ nhưng có dấu hiệu phục hồi nhờ (1) sản lượng đường giảm khi các nước xuất khẩu lớn như Brazil, Ấn Độ chuyển sang sản xuất Ethanol và (2) chi phí vận chuyển tăng làm tăng giá đường thế giới do căng thẳng tại eo biển Hormuz.

BLNG dự báo ở mức 9,1% (-2,4 đpt) do giá đường giảm sâu, trong khi giá mía nguyên liệu vẫn duy trì ở mức cao. (chi tiết).

➢ **Niên vụ 2026/27F**

Doanh thu kỳ vọng tăng 14,9% YoY (chi tiết), nhờ:

- Sản lượng dự báo tăng 5,1% vào 2026/27F được dẫn dắt bởi thị trường nội địa khi cả kênh B2B và thương mại đều tăng trưởng.
- Giá bán dự báo đạt mức 18.800 VND/kg (+9,9% YoY) nhờ pha El Nino quay trở lại từ 06/2026 làm thiếu hụt nguồn cung toàn cầu (dự báo thiếu 1,5 triệu tấn).

BLNG kỳ vọng ở mức 12,5% (+2,9 đpt YoY) nhờ giá đường phục hồi và tăng tỷ lệ đóng góp mảng FBMC từ 6,7% (2024/25) lên 16,6% (2026/27F), mảng có BLN cao gấp 1,5 - 2x so với đường. (chi tiết)

YẾU TỐ THEO DÕI

- Quyết định rà soát cuối kỳ đối với thuế CBPG và chống trợ cấp đối với đường Thái Lan (Dự kiến công bố vào 07/2026) (chi tiết).

Biểu đồ 1: Biến động giá cổ phiếu SBT và VNIndex

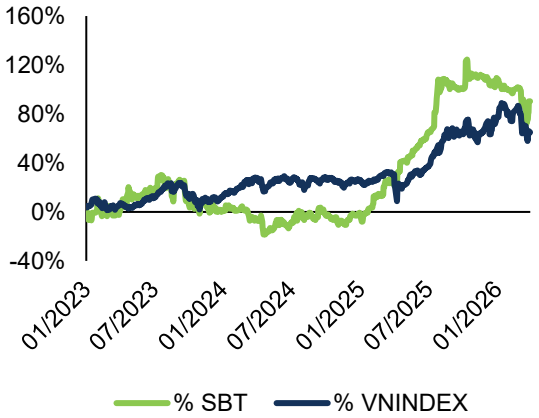

Thông tin giao dịch	12/05/2026
Giá đóng cửa (VND/cp)	20.200
Giá cao nhất 52 tuần (VND/cp)	25.365
Giá thấp nhất 52 tuần (VND/cp)	16.313
Số lượng CP niêm yết (triệu cp)	855,1
Số lượng CP lưu hành (triệu cp)	855,1
KLGD BQ 30 ngày (cp/ngày)	463.138
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	20,2
Vốn hóa (tỷ VND)	15.106
EPS Trailing 12 tháng (VND/cp)	794
P/E Trailing 12 tháng	25,7x

Tổng quan doanh nghiệp	
Tên	CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa
Địa chỉ	Xã Tân Hưng, Thị xã Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
HĐKD chính	Sản xuất và kinh doanh đường thành phẩm
Chi phí chính	Nguyên vật liệu: mía, đường thô
Rủi ro chính	Biến động giá mía, đường thô nhập khẩu

A. TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

I. Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hoà (SBT) là doanh nghiệp sản xuất đường lớn nhất Việt Nam, thành lập năm 1995. Công ty hoạt động với chuỗi giá trị từ trồng mía, thu hoạch nguyên liệu đến tinh luyện và phân phối trên cả thị trường trong nước và xuất khẩu, với sản phẩm chủ lực là đường tinh luyện (RE) và các sản phẩm phụ từ mía.

SBT sở hữu hệ thống vùng nguyên liệu rộng lớn (72.000 ha tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Úc) và mạng lưới 11 nhà máy chế biến, giúp công ty đóng góp khoảng 46% thị phần ngành đường nội địa. Cổ phiếu SBT hiện đang giao dịch trên sàn HSX.

II. Cơ cấu cổ đông

Biểu đồ 2: Cơ cấu cổ đông của SBT tại ngày 12/05/2026

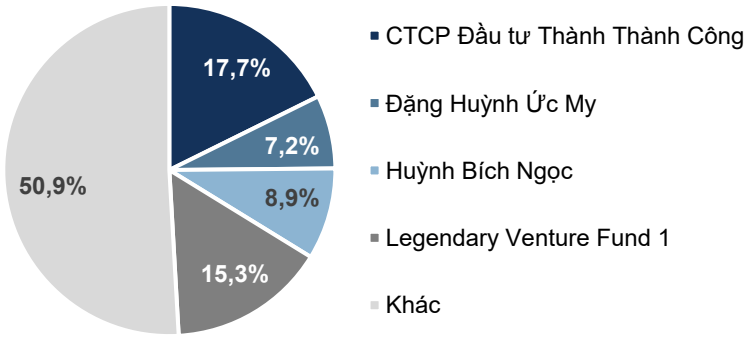

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp

Cơ cấu cổ đông khá cô đặc: với nhóm cổ đông nội bộ và bên liên quan hiện nắm giữ tổng cộng 33,8%. Cụ thể, bà Đặng Huỳnh Ức My là chủ tịch HĐQT nắm giữ 7,2%, bà Huỳnh Bích Ngọc (mẹ của Đặng Huỳnh Ức My) sở hữu 8,9%. Tập đoàn Thành Thành Công (do bà Huỳnh Bích Ngọc làm Tổng giám đốc) sở hữu 17,7%.

Ngoài ra Quỹ Legendary Venture Fund 1 nắm giữ 15,3% và các cổ đông nhỏ lẻ khác nắm 50,9%.

III. Cơ cấu tổ chức

SBT hiện có 8 công ty con trực tiếp, 20 công ty con gián tiếp và 06 công ty liên kết. Trong đó 20 công ty hoạt động trong lĩnh vực trồng mía, sản xuất, kinh doanh và đóng gói đường và phụ phẩm; 07 công ty trong lĩnh vực sản xuất và phân phối điện; 03 công ty trong lĩnh vực chăn nuôi, cao su, đồ uống và chế biến thực phẩm; 04 công ty trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp và sản xuất hóa chất phục vụ ngành nông nghiệp.

IV. Tổng quan hoạt động kinh doanh

Biểu đồ 3: Cơ cấu doanh thu của SBT

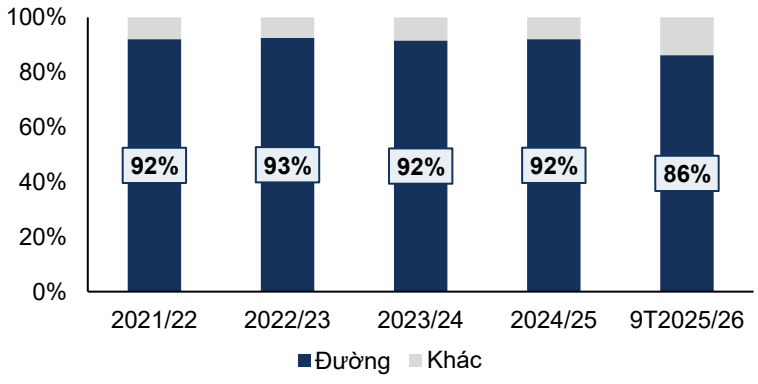

Hoạt động kinh doanh chính của SBT là sản xuất kinh doanh đường với đóng góp doanh thu trung bình ~92% trong giai đoạn 2021/22 – 2024/25 và giảm còn ~86% trong 9T2025/26. Ngoài ra SBT còn kinh doanh mật đường, phân bón, điện và các sản phẩm từ gạo, chuối, dừa… (thuộc mảng FBMC) chiếm 14% trong cơ cấu doanh thu trong 9T2025/26.

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp

B. CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH 9T2025/26 (Quay lại)

Đơn vị: Tỷ VNĐ	Q32025/26	%YoY	9T2025/26	%YoY	%KH	Diễn giải
Doanh thu thuần	**8.231**	**+12,9%**	**20.336**	**-6,1%**	**77%**	Doanh thu Q32025/26 tăng 12,9% YoY chủ yếu đến từ gia tăng sản lượng tiêu thụ. Ước tính doanh thu xuất khẩu quý 3 tăng 40,6% YoY và sản lượng xuất khẩu tăng 59,3% YoY, do SBT đẩy mạnh thị trường xuất khẩu nhằm tối ưu dòng thu ngoại tệ, kiểm soát rủi ro tỷ giá trong bối cảnh địa chính trị thế giới biến động. Doanh thu 9T2025/26 giảm 6,1% YoY chủ yếu đến từ giá bán đường thành phẩm giảm 11,7% trong bối cảnh dư cung toàn cầu do gia tăng sản lượng ở các quốc gia sản xuất chủ chốt như Brazil, Ấn Độ,..
Giá vốn hàng bán	7.460	+13,9%	18.544	-3,6%		
Lợi nhuận gộp	**770,6**	**+3,9%**	**1.792**	**-25,7%**		
Biên lợi nhuận gộp	9,4%	-0,8 đpt	8,8%	-2,4 đpt		BLNG Q32025/26 giảm 0,8 đpt, ít hơn mức sụt giảm trong 9T2025/26 (-2,4 đpt) chủ yếu đến từ giá bán đường thành phẩm phục hồi, tăng 4,4% QoQ trong tháng 03 do ảnh hưởng từ xung đột Mỹ - Iran. BLNG 9T2025/26 giảm 2,4 đpt do chịu tác động kép từ việc giá bán giảm 11,7% và giá mía nguyên liệu đầu vào trong 9T2025 vẫn duy trì ở mức cao.
Doanh thu tài chính	372,4	+40,1%	1.000	+27,2%		Doanh thu từ hoạt động tài chính trong quý 3 tăng mạnh (+40,1% YoY), trong đó lãi tiền gửi chiếm 58,7%, đạt 218,6 tỷ VND (+52,1% YoY). Nguyên nhân do SBT đang duy trì lượng tiền mặt lớn ~9.033 tỷ VND (+27,2% YoY) để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản trái phiếu đến hạn.
Chi phí tài chính	519,0	+32,2%	1.372	-1,6%		
Chi phí lãi vay	381,8	+6,9%	1.076	-5,5%		
Chi phí bán hàng	277,7	+53,8%	635,6	+18,8%		Chi phí bán hàng tăng 53,8% YoY trong quý 3 do (1) chi phí vận chuyển xuất khẩu gia tăng trong

					bối cảnh địa chính trị bất ổn và (2) chi phí cho việc mở rộng kênh phân phối nội địa, đưa các sản phẩm FBMC vào các chuỗi siêu thị lớn như LOTTE Mart.
Chi phí QLDN	200,6	+19,8%	516,1	-6,1%	
LNTT	**243,9**	**+5,6%**	**649,1**	**-16,0%**	**68%**
LNST	**246,4**	**+13,7%**	**608,4**	**-6,7%**	
Biên LNST	3,0%	0,0 đpt	3,0%	0,0 đpt	

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp

I. Doanh thu 9T2025/26 sụt giảm chủ yếu đến từ mảng đường khi giá đường giảm mạnh do dư cung (Quay lại)

Kết quả kinh doanh quý 3 của SBT khả quan với doanh thu thuần đạt 8.231 tỷ VND (+12,9% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 246,4 tỷ VND (+13,7% YoY), chủ yếu đến từ gia tăng sản lượng tiêu thụ. Lũy kế 9 tháng đầu niên độ, doanh thu thuần đạt 20.336 tỷ VND (-6,1% YoY), lợi nhuận trước thuế đạt 649,1 tỷ VND (-6,7% YoY), hoàn thành lần lượt 77% và 68% so với kế hoạch năm.

Biểu đồ 4: Doanh thu suy giảm trong 9T2025/26 do dư cung đường

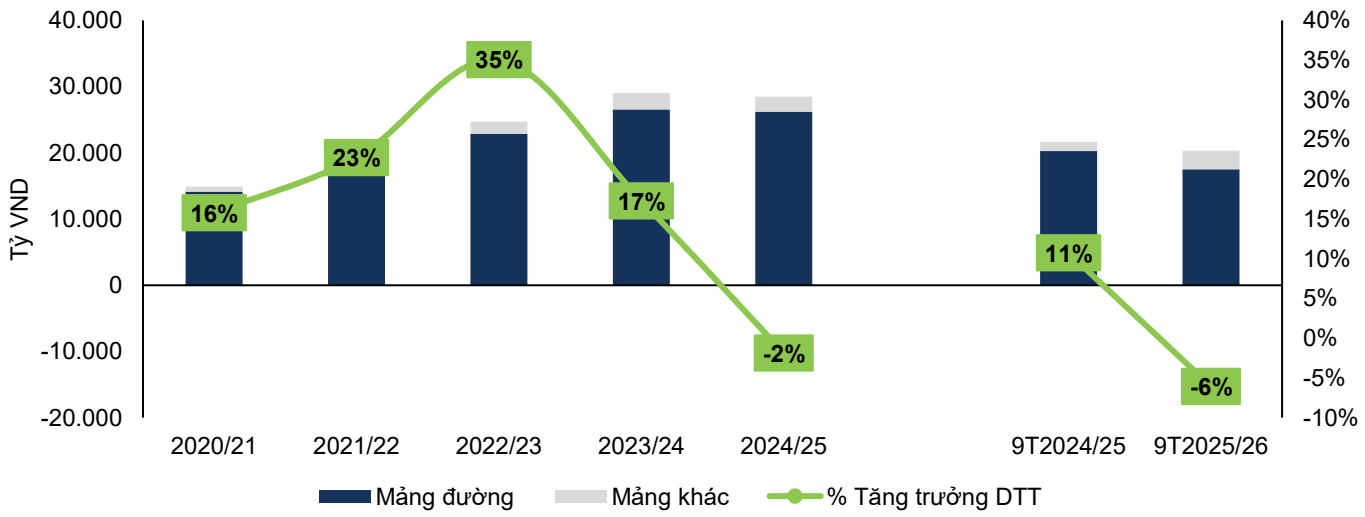

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp

Về cơ cấu doanh thu 9 tháng, mảng đường tiếp tục đóng góp chủ đạo với 17.535 tỷ VND (-13,6% YoY), chiếm tỷ trọng 86,2%. Các mảng khác như mật đường, phân bón, điện chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu (~3,5%). Trong đó, mảng FBMC (Food – Beverage – Milk - Confectionery/ Thực phẩm - Đồ uống - Sữa - Bánh kẹo) bao gồm các sản phẩm từ gạo, chuối, dừa,… ghi nhận tăng trưởng tích cực, nổi bật là sản phẩm gạo với doanh thu ~1.500 tỷ VND, đóng góp ~7,3% vào tổng doanh thu 9T2025/26, cho thấy sự gia tăng đóng góp của các mảng ngoài đường trong cơ cấu doanh thu của SBT.

1. Doanh thu mảng đường sụt giảm trong 9T2025/26 do giá bán đường giảm mạnh 11,7% YoY, đồng thời sản lượng tiêu thụ sụt giảm 2,1% YoY trong bối cảnh dư cung toàn thị trường

Sản lượng tiêu thụ đường của SBT trong 9T2025/26 đạt ~1 triệu tấn (-2,1% YoY), chủ yếu do sự sụt giảm 37,4% YoY của thị trường xuất khẩu (thị trường chiếm trung bình ~25% doanh thu trong 3 năm gần nhất). Cụ thể:

- Trong 1H2025/26, thị trường xuất khẩu sụt giảm 82,8% YoY do (1) SBT ưu tiên tiêu thụ nội địa khi giá đường nội địa cao hơn 1 – 3% so với giá đường thế giới; và (2) chiến lược tích trữ hàng tồn kho (hàng tồn kho Q32025/26 tăng 19,3% YoY) để đón đầu chu kỳ tăng giá trong các quý sắp tới khi đây là thời điểm cuối chu kỳ giảm giá đường và kỳ vọng giá sẽ tăng lại từ Q42025/26F. (Chi tiết)

- Sang Q32025/26, sản lượng phục hồi (+14,6% YoY) khi SBT quay lại đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu (dù biên lợi nhuận thấp) để tối ưu dòng thu ngoại tệ trong bối cảnh địa chính trị thế giới còn nhiều biến động nhằm kiểm soát rủi ro biến động tỷ giá gia tăng (SBT phải nhập khẩu đường thô trong quý 3 và quý 4 để tinh luyện trong thời điểm trái vụ trồng mía nên cần dòng USD để xoay vòng ngoại tệ). Ước tính doanh thu xuất khẩu và sản lượng xuất khẩu trong quý 3 tăng lần lượt 40,6% và 59,3% YoY.

Biểu đồ 5: Sản lượng tiêu thụ sụt giảm trong 9T2025/26 chủ yếu đến từ thị trường xuất khẩu

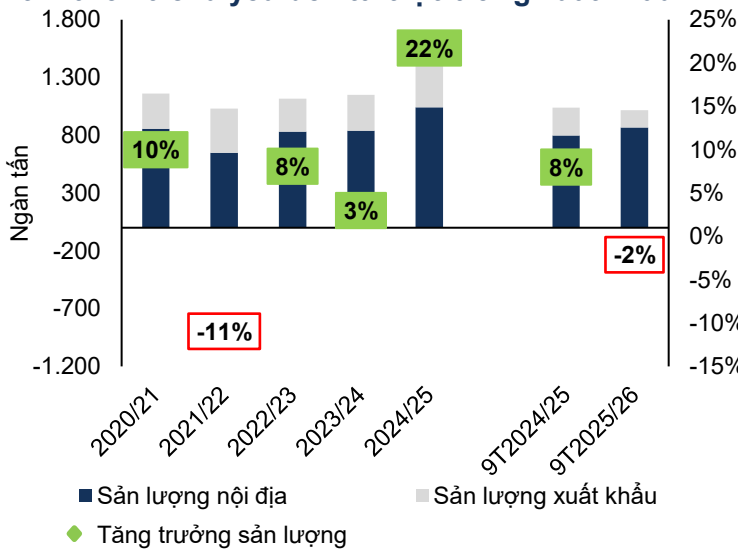

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp và ước tính

Biểu đồ 6: Sản lượng nội địa tăng chủ yếu đến từ tăng trưởng kênh thương mại

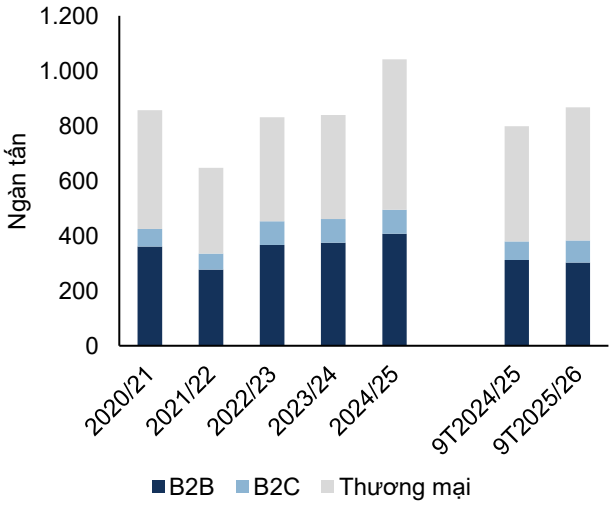

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp và ước tính

Sản lượng tiêu thụ nội địa trong 9T2025 đạt ~866,7 tấn (+8,5% YoY). Trong đó, kênh B2B duy trì ổn định nhờ các hợp đồng cung ứng dài hạn cho các tập đoàn thực phẩm và đồ uống lớn (Pepsi, Coca-Cola, Vinamilk,…). Kênh thương mại tăng trưởng mạnh (+15,3% YoY), dẫn dắt tăng trưởng nhờ các đại lý và nhà buôn trong nước đẩy mạnh mua gom từ SBT để tích trữ, khi giá đường thế giới giảm sâu. Kênh B2C đóng góp nhỏ, bị cạnh tranh bởi các loại đường không nhãn mác giá rẻ trên thị trường, SBT tập trung vào phân khúc cao cấp như đường phèn Pro, đường lỏng, đường Organic, tuy nhiên hiện vẫn chưa có tăng trưởng rõ rệt trong kênh này.

Giá bán trung bình đường thành phẩm của SBT đạt ~17.200 đồng/kg (-11,7% YoY) trong 9T2025/26 theo xu hướng chung của giá đường Việt Nam và thế giới do trạng thái dư cung trên thị trường toàn cầu.

Biểu đồ 7: Diễn biến giá đường RS Việt Nam và giá đường thô thế giới

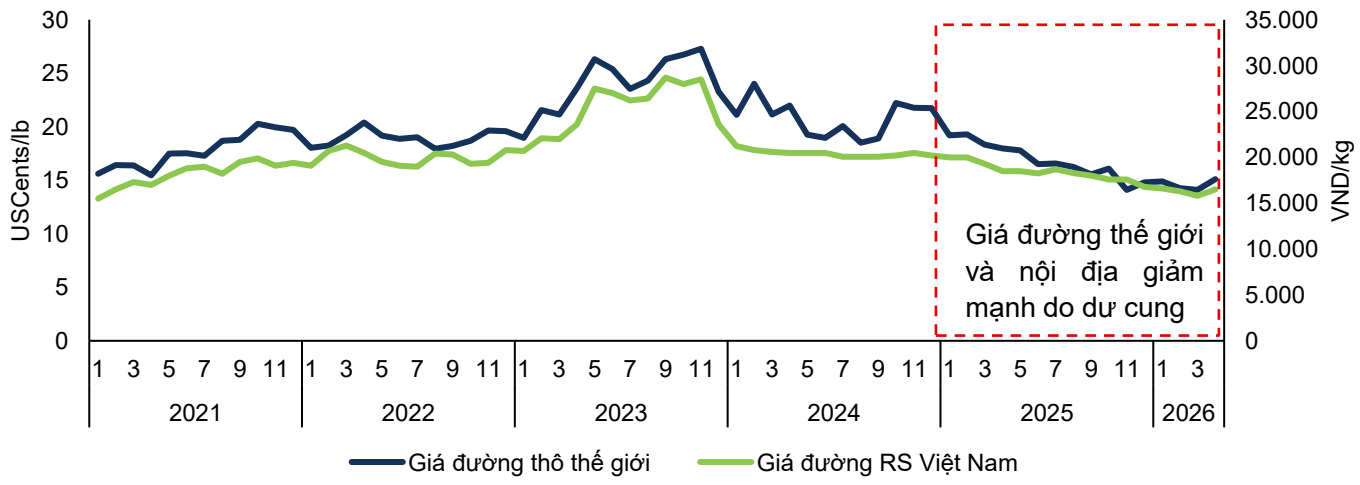

Nguồn: Agromonitor

Theo USDA, sản lượng đường toàn cầu niên độ 2025/26F dự kiến tăng khoảng 4,6% YoY, đạt ~184,0 triệu tấn, trong khi nhu cầu chỉ tăng khoảng 1,4% (~182,8 triệu tấn), dẫn đến chênh lệch cung – cầu dự kiến 1,2 triệu tấn. Cụ thể, sản lượng sản xuất của Brazil dự kiến đạt 39,1 triệu tấn (+3% YoY), Ấn Độ đạt khoảng 35,1 triệu tấn (+26%

YoY) nhờ thời tiết thuận lợi giúp tăng sản lượng mía thu hoạch. Ở chiều cầu, nhập khẩu đường tại các thị trường lớn suy yếu rõ rệt, với Indonesia giảm 86% YoY trong tháng 01/2026 và Mỹ giảm khoảng 20,7% trong năm 2025, cho thấy cầu tiêu thụ không đủ hấp thụ phần cung gia tăng. Tổ chức Đường quốc tế (ISO) dự báo sẽ thặng dư khoảng 1,2 triệu tấn đường trong niên vụ 2025/26, khiến giá đường trên thị trường quốc tế giảm về vùng thấp nhất trong 05 năm qua, ở mức 14 USCents/Lb trong tháng 03 (-23% YoY).

Biểu đồ 8: Tổ chức Đường Quốc tế (ISO) dự báo thặng dư đường toàn cầu 1,2 triệu tấn trong niên độ 2025/26

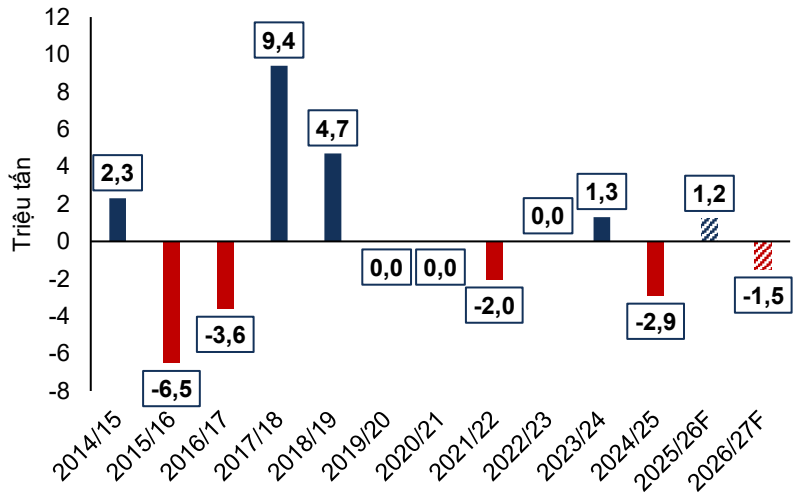

Nguồn: ISO

Biểu đồ 9: Brazil và Ấn Độ thúc đẩy sản lượng toàn cầu tăng cao trong niên độ 2025/26

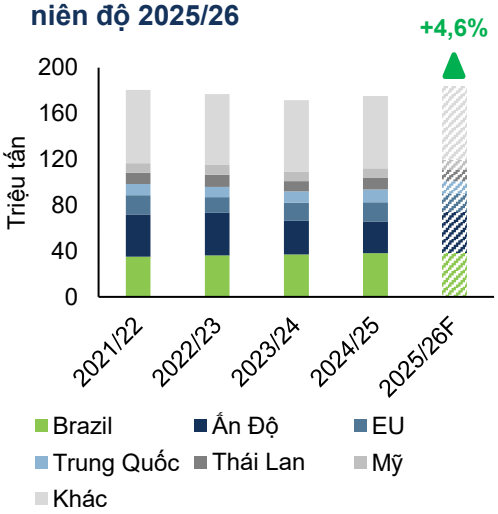

Nguồn: USDA

Chỉ tiêu	9T2025/26 (ngàn tấn)
Lượng sản xuất trong nước	700
Đường nhập khẩu các loại	463
Tồn kho từ niên vụ trước	153
Đường nhập lậu	400
Tổng lượng cung ra thị trường	**1.716**
Nhu cầu tiêu thụ	**1.350**

Nguồn: Agromonitor và một số nguồn khác, FPTS tổng hợp và ước tính

Trong nước, tình trạng dư cung cũng xảy ra tương tự khiến giá đường Việt Nam biến động cùng chiều với giá đường thế giới. Tính đến cuối tháng 03/2026, tổng nguồn cung đường ra thị trường đạt ~1,7 triệu tấn, trong khi nhu cầu tiêu thụ cả nước chỉ khoảng 1,4 triệu tấn, tạo áp lực lớn lên cân đối cung – cầu, kết quả là giá đường nội địa giảm mạnh. Trong bối cảnh đó, SBT cũng khó khăn trong việc duy trì giá bán, khiến giá bán đường thành phẩm giảm theo xu hướng chung của thị trường.

2. Doanh thu mảng khác tăng mạnh trong 9T2025/26F đến từ đẩy mạnh mảng FBMC

SBT đang đẩy mạnh mở rộng mảng kinh doanh FBMC, với mục tiêu đóng góp 40% trên tổng doanh thu vào năm 2030. Trong Q32025/26, doanh thu các mảng ngoài đường đạt 1.814 tỷ VND (+188% YoY), chiếm 22% trong cơ cấu doanh thu của SBT. Nguyên nhân đến từ SBT đẩy mạnh mảng FBMC, trong đó các sản phẩm từ gạo bắt đầu ghi nhận kết quả tích cực với doanh thu quý 3 đạt 1.012 tỷ VND, đóng góp 12,3% trong cơ cấu doanh thu.

Biểu đồ 10: DTT mảng khác tăng mạnh trong Q32025/26

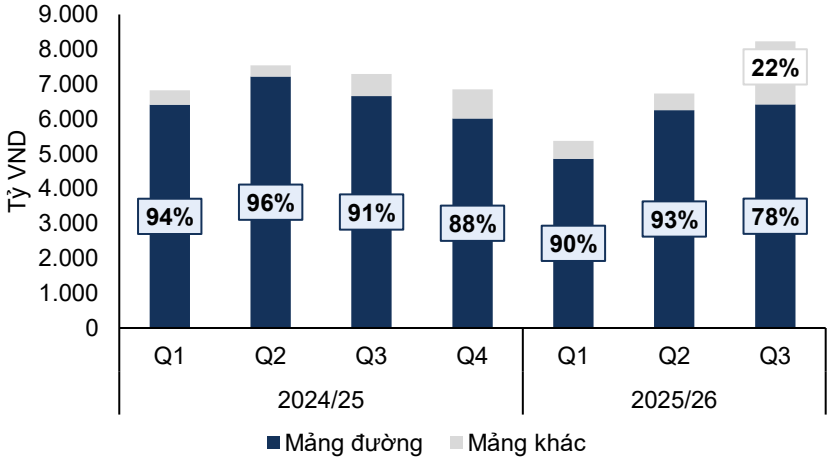

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp

Biểu đồ 11: Sản phẩm gạo tăng tỷ lệ đóng góp trong Q32025/26

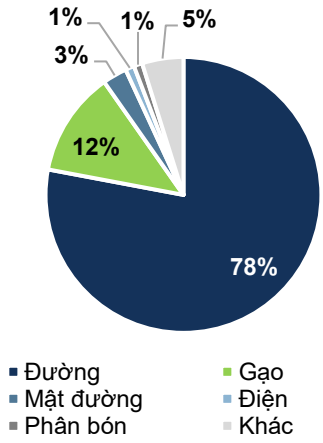

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp

Luỹ kế 9T2025/26, doanh thu mảng khác ở mức 2.801 tỷ VND (+106% YoY), trong đó doanh thu từ gạo đạt ~1.500 tỷ VND với sản lượng tiêu thụ đạt 94.000 tấn, giúp SBT vươn lên nhóm các doanh nghiệp xuất khẩu gạo hàng đầu tại Việt Nam. Động lực tăng trưởng đến từ việc mở rộng xuất khẩu, đặc biệt tại thị trường Philippines từ cuối 2025, cùng việc hợp tác chiến lược với Tập đoàn Lộc Trời nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị lúa gạo một cách bền vững (Lộc Trời cung cấp giống và tổ chức sản xuất, SBT tận dụng mạng lưới khách hàng toàn cầu để tiêu thụ). Các sản phẩm khác như dừa, chuối vẫn đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng, SBT hiện đang tích cực phát triển hệ thống phân phối thông qua việc gia tăng hiện diện tại các kênh bán lẻ hiện đại như LOTTE Mart và các chuỗi siêu thị lớn, tuy nhiên kết quả kinh doanh từ các sản phẩm này vẫn chưa có đóng góp đáng kể trong cơ cấu doanh thu của doanh nghiệp.

II. Biên lợi nhuận gộp giảm 2,4 đpt do giá bán đường giảm mạnh trong khi giá mía đầu vào duy trì ở mức cao (Quay lại)

Biểu đồ 12: BLNG giảm do giá đường giảm mạnh

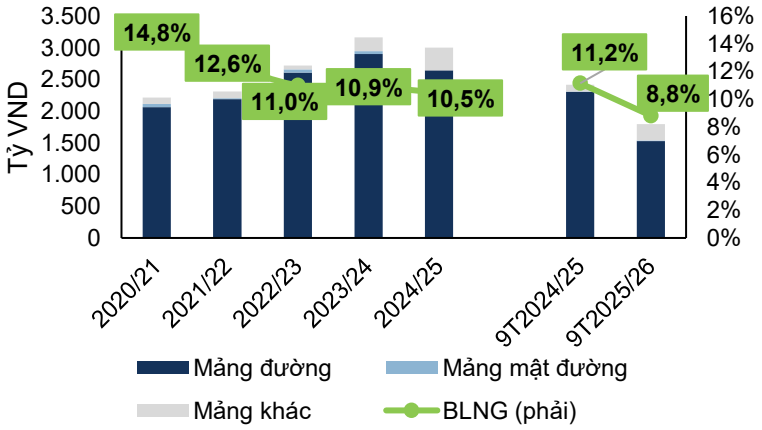

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp

Biểu đồ 13: Giá mua mía từ ruộng

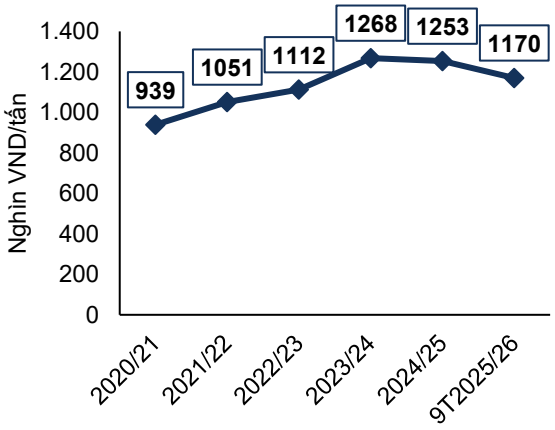

Nguồn: VSSA, FPTS tổng hợp và ước tính

Biên lợi nhuận gộp của SBT trong 9 tháng đầu niên độ 2025/26 ghi nhận mức sụt giảm đáng kể, về mức ~8,8% (-2,4 đpt YoY), mức thấp nhất trong vòng 05 năm qua do:

- Giá bán đường trung bình 9T2025/26 giảm mạnh (-11,7% YoY) do dư cung toàn thị trường.
- Trong khi giá đường thô (chiếm 62% nguyên liệu đầu vào) giảm tương ứng với giá bán đầu ra thì giá mía nguyên liệu (chiếm 38% nguyên liệu đầu vào) vẫn duy trì ở mức khá cao, đạt 1,17 triệu VNĐ/tấn, -6,6% YoY (đã tính chi phí hỗ trợ bao tiêu) do (1) ảnh hưởng từ cơn bão số 13 cuối 2025 làm suy giảm sản lượng mía và chữ đường (CCS), đồng thời gia tăng chi phí thu hoạch do ngã đổ (chi phí nhân công chiếm tới 30 - 40% giá thành cây mía); và (2) Hiệp hội mía đường Việt Nam (VSSA) khuyến cáo các doanh nghiệp mía đường trong

đó có SBT phải hỗ trợ chính sách bao tiêu 6 triệu VND/ha để đảm bảo thu nhập cho nông dân, tránh tình trạng nông dân bỏ ruộng mía chuyển sang loại cây trồng khác, gây đứt gãy chuỗi liên kết mía đường.

III. Nợ vay tăng cao, chủ yếu đến từ phát hành trái phiếu để đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mới và các thương vụ M&A nhằm mở rộng chuỗi giá trị

SBT tăng cường nợ vay để mở rộng đầu tư phát triển. Trong 9T2025/26, tổng nợ vay của doanh nghiệp đã đạt mức 19.282 tỷ VND (+8,3% YoY), chiếm gần 50% tổng tài sản. Trong đó nợ vay ngắn hạn chiếm 67%, ở mức 12.876 tỷ VND (+11,4% YoY); vay nợ dài hạn ở mức 6.406 tỷ VND (+26,2% YoY). Tỷ lệ Nợ/VCSH ở mức 1,6 lần (trung bình ngành 0,5 – 0,8 lần). SBT tăng nợ vay dài hạn để (1) đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu và nâng cấp dây chuyền luyện đường tại các nhà máy đường ở Tây Ninh, Gia Lai; và (2) thực hiện các thương vụ M&A và hợp tác chiến lược với các đối tác như Betrimex, Lộc trời, Dole Asia,.. nhằm mở rộng chuỗi giá trị sang mảng FBMC.

Đòn bẩy tài chính của SBT tăng mạnh kéo theo áp lực trả lãi làm suy giảm hiệu quả lợi nhuận. Khả năng trả lãi vay của SBT đang ở mức tương đối thấp so với các doanh nghiệp cùng ngành như QNS, KTS, LSS, ở mức 1,5 - 1,6x trong những năm gần đây, cho thấy áp lực trả lãi đang rất lớn. Trong bối cảnh lãi suất có xu hướng tăng như hiện nay, nếu lãi suất tăng 1%, chi phí lãi vay trong năm của SBT sẽ tăng ~190 tỷ VND (+49,7% YoY), trực tiếp bào mòn lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, dù biên lợi nhuận gộp ở mức 9 – 10%, biên lợi nhuận ròng chỉ đạt khoảng ~3%.

Biểu đồ 14: Vay nợ tăng cao để hỗ trợ vốn lưu động

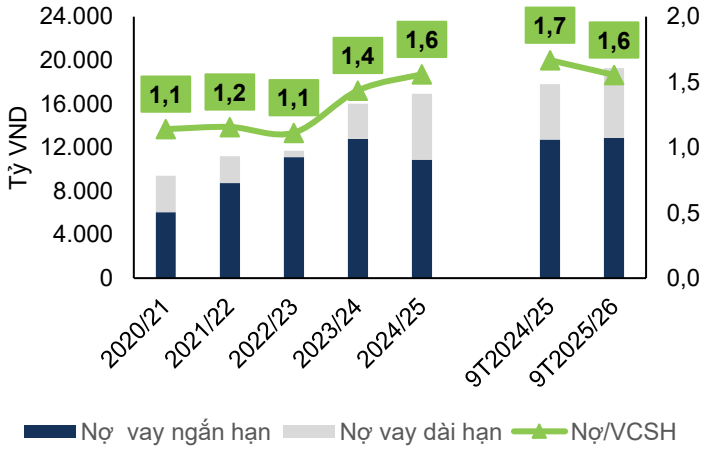

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp

Biểu đồ 15: Khả năng trả lãi vay của SBT đang ở mức thấp so với DN cùng ngành

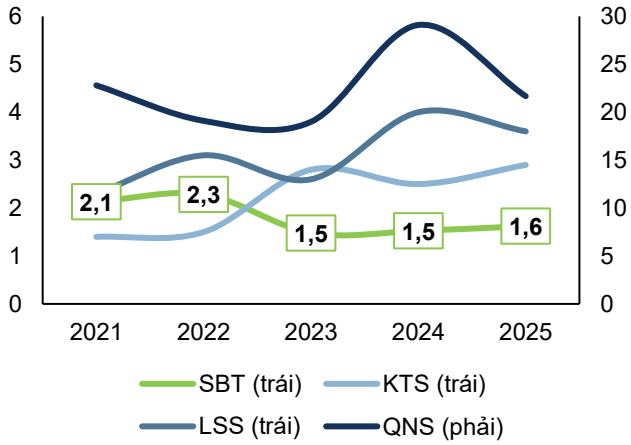

Nguồn: BCTC DN, FPTS tổng hợp

Tại thời điểm cuối tháng 03/2026, tổng dư nợ trái phiếu của SBT ở mức 2.870 tỷ VND, trong đó trái phiếu đến hạn phải trả là 484 tỷ VND, 498 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi và 1.888 tỷ VND trái phiếu dài hạn. Theo kết luận thanh tra tháng 02/2026, doanh nghiệp bị xác định có nhiều sai phạm trong quá trình phát hành và sử dụng vốn trái phiếu, bao gồm (1) phát hành trái phiếu không có văn bản thông báo gửi Bộ Tài chính theo quy định; (2) không công bố phương án phát hành; (3) công bố thông tin chưa đầy đủ về mục đích phát hành, thời điểm giải ngân vốn và tài sản bảo đảm; (4) đăng ký/lưu ký trái phiếu và sử dụng 1.067 tỷ VND vốn trái phiếu chưa phù hợp với kế hoạch/phương án đã công bố ban đầu. Những yếu tố này không chỉ làm gia tăng rủi ro tuân thủ và minh bạch thông tin, mà còn có thể ảnh hưởng đến uy tín và khả năng huy động vốn trong tương lai của doanh nghiệp.

C. TRIỂN VỌNG KINH DOANH CỦA SBT

Chúng tôi dự phóng:

- Doanh thu thuần Q42025/26F đạt khoảng 6.221 tỷ VND (-8,9% YoY). Doanh thu thuần niên độ 2025/26F của SBT đạt 26.558 tỷ VND (-6,8% YoY), hoàn thành 100% kế hoạch; lợi nhuận gộp đạt 2.541 tỷ VND (-15% YoY), biên lợi nhuận gộp dự kiến ở mức 9,6% (-0.9 đpt YoY). Lợi nhuận sau thuế ước đạt 814 tỷ VND (+0,2% YoY), hoàn thành 85,6% kế hoạch niên độ; biên lợi nhuận sau thuế ở mức 3,1% (+0.2 đpt YoY).
- Doanh thu thuần niên vụ 2026/27F đạt khoảng 30.513 tỷ VND (+14,9%) YoY, lợi nhuận sau thuế đạt 884 tỷ VND (+8,5% YoY), được trình bày cụ thể bên dưới.

I. Doanh thu kỳ vọng cải thiện trong Q42025/26F và 2026/27F nhờ sản lượng và giá bán đường phục hồi (Quay lại)

1. Sản lượng tăng nhẹ trong Q42025/26F và 2026/27F nhờ thị trường xuất khẩu phục hồi.

Sản lượng dự báo tăng nhẹ trong Q42025/26F (+2,2%), đạt ~368 tấn nhờ (1) thị trường nội địa dự báo chững lại khi kênh thương mại (kênh dẫn dắt tăng trưởng) dự báo hạ nhiệt sau đợt mua gom tích trữ tồn kho từ các đại lý và nhà bán buôn trong nước lúc giá đường ở mức thấp; và (2) thị trường xuất khẩu dự báo phục hồi nhờ giá bán đường thế giới dự báo tăng trở lại, giúp rút ngắn chênh lệnh giữa giá đường SBT và thế giới, qua đó làm tăng khả năng cạnh tranh của SBT tại các thị trường xuất khẩu, đồng thời SBT dự kiến sẽ tiếp tục chiến lược đẩy mạnh xuất khẩu nhằm tối ưu dòng thu ngoại tệ, tránh rủi ro tỷ giá.

Biểu đồ 14: Sản lượng tiêu thụ đường của SBT dự báo tăng nhẹ

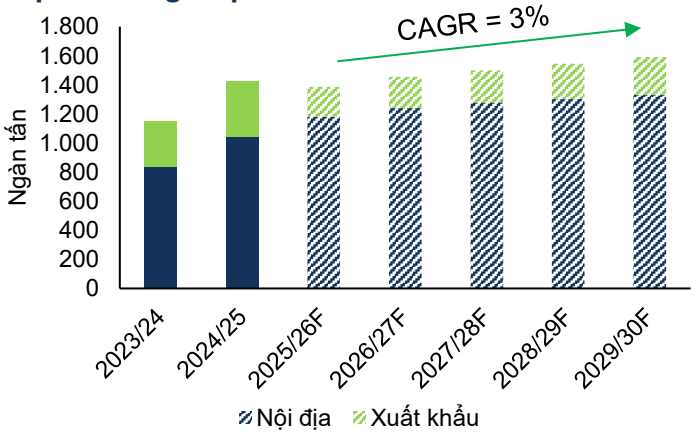

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp và dự phóng

Biểu đồ 15: Sản lượng tiêu thụ nội địa được dẫn dắt bởi kênh thương mại

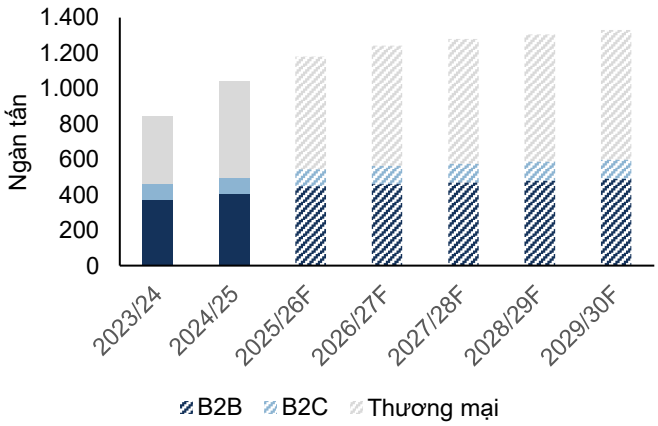

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp và dự phóng

Sản lượng tiêu thụ đường kỳ vọng tăng trong niên độ 2026/27F (+5,1% YoY), cụ thể:

- Thị trường nội địa: là động lực chính dẫn dắt tăng trưởng (+5,4% YoY), đến từ cả kênh B2B và thương mại. Cụ thể: (1) kênh B2B dự báo tăng 3,0% khi nhu cầu tiêu thụ đường từ các doanh nghiệp thực phẩm – đồ uống được kỳ vọng cải thiện trong bối cảnh El Nino quay trở lại từ 06/2026, làm thúc đẩy nhu cầu nước giải khát; và (2) kênh thương mại tăng trưởng 6,8% do kỳ vọng thuế chống bán phá giá và phòng vệ thương mại đối với đường Thái Lan tiếp tục được gia hạn, đồng thời Việt Nam cũng sẽ siết chặt kiểm soát đối với đường nhập lậu tạo điều kiện cho đường chính ngạch tăng trưởng.
- Thị trường xuất khẩu: tăng trưởng nhẹ (+2,7% YoY) do vẫn được hưởng ưu đãi thuế từ các hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP tạo điều kiện cho SBT đẩy mạnh xuất khẩu. Tuy nhiên vẫn tồn tại một số khó khăn chủ yếu đến từ thị trường ASEAN (một trong những thị trường xuất khẩu chính của SBT) bị cạnh tranh gay gắt do (1) các nước có xu hướng hạn chế nhập khẩu, điển hình như Indonesia đã cắt giảm hạn ngạch nhập khẩu từ 4,2 triệu tấn (2025) xuống còn 3,1 triệu tấn (2026) với chính sách ưu tiên sản xuất nội địa và bảo vệ nông dân mía trong nước; và (2) lượng đường lớn giá rẻ từ Thái Lan trong niên độ 2025/26 đẩy vào thị trường khiến thị trường này cạnh tranh gay gắt hơn.

2. Giá đường kỳ vọng tăng trở lại từ Q42025/26F do ảnh hưởng xung đột Mỹ - Iran và dự báo thời tiết chuyển sang pha El Nino từ 06/2026 (Quay lại)

Trong Q42025/26F, giá bán đường thành phẩm SBT kỳ vọng đạt 17.000 VND/kg (+6,3% QoQ, -7,7% YoY), theo sự phục hồi của giá đường thế giới, nguyên nhân đến từ:

- Brazil và Ấn Độ (2 quốc gia xuất khẩu đường lớn nhất thế giới) gia tăng tỷ lệ sản xuất Ethanol từ mía trong bối cảnh thiếu hụt năng lượng toàn cầu trước căng thẳng Mỹ - Iran, làm suy giảm sản lượng đường sản xuất. Cụ thể: (1) Ấn Độ đã chính thức triển khai chương trình pha trộn 20% ethanol từ tháng 04/2026, đã khiến ~5 triệu tấn đường bị chuyển hướng sang nhiên liệu sinh học; và (2) các nhà máy tại Brazil cũng cắt giảm tỷ lệ sản xuất đường xuống mức 46% (-3% YoY) để ưu tiên Ethanol, trực tiếp làm hụt ~2 triệu tấn đường trong tổng cung toàn cầu.
- Rủi ro logistics tại eo biển Hormuz đẩy chi phí vận chuyển tăng, tạo thêm áp lực lên giá đường trong ngắn hạn (khoảng 10% lượng đường thô nhập khẩu toàn cầu và khoảng 5% lượng đường tinh luyện xuất khẩu đi qua khu vực này).

Trong niên vụ 2026/27F, giá đường thành phẩm SBT dự báo đạt 18.800 VND/kg (+9,9% YoY) do:

- Dự báo thời tiết sẽ bắt đầu chuyển sang pha El Nino từ tháng 06/2026 và có thể đạt siêu El Nino vào cuối 2026, trực tiếp làm giảm năng suất mía tại các khu vực sản xuất trọng điểm. Theo Tổ chức đường thế giới (ISO), thị trường đường toàn cầu được dự báo sẽ chuyển từ trạng thái dư cung trong niên vụ 2025/26F (~1,2 triệu tấn) sang thiếu hụt khoảng 1,5 triệu tấn trong niên vụ 2026/27F, tạo nền tảng cho xu hướng phục hồi giá.

Biểu đồ 17: Giá bán đường thành phẩm của SBT kỳ vọng tăng do thiếu hụt cung

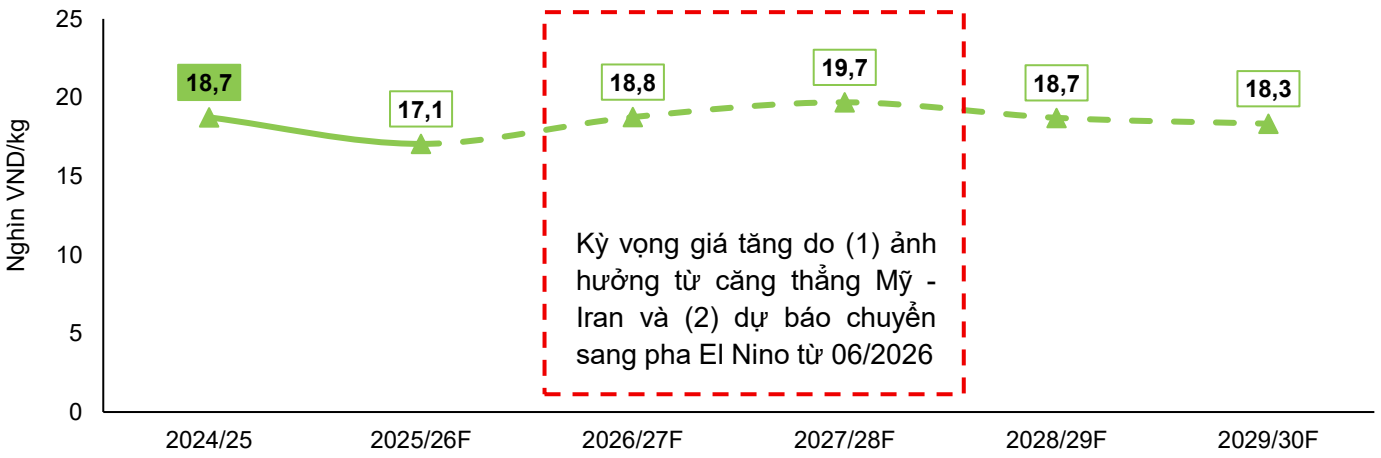

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp và dự phóng

II. BLNG ở mức thấp trong 2025/26F do giá đường tạo đáy và kỳ vọng sẽ cải thiện trong 2026/27F nhờ giá đường tăng đồng thời tăng tỷ trọng mảng FBMC có giá trị gia tăng cao (Quay lại)

Biên lợi nhuận gộp trong 2025/26F của SBT kỳ vọng đạt 9,6%, mức thấp nhất trong 05 năm qua do giá đường giảm mạnh do tình trạng dư cung. Trong khi đó, giá mía nguyên liệu đầu vào lại không giảm theo tương ứng, khiến biên lợi nhuận bị thu hẹp.

Biên lợi nhuận gộp của SBT trong 2026/27F dự kiến sẽ tăng 2,9 đpt YoY (~12,5%). Động lực chính đến từ (1) giá đường phục hồi trở lại và (2) tăng tỷ trọng đóng góp mảng FBMC có biên lợi nhuận cao (15% - 25%), cao hơn đáng kể so với mức 10% - 12% của mảng đường. Việc tận dụng lợi thế từ các thương hiệu lớn như Lộc trời, Betrimex và Dole Asia giúp SBT đẩy nhanh quá trình mở rộng sang mảng FBMC, kỳ vọng nâng BLNG doanh nghiệp lên mức 12% trong 2026/27F, đồng thời giảm phụ thuộc vào ngành đường vốn có biên lợi nhuận mỏng và biến động theo chu kỳ.

Biểu đồ 18: BLNG kỳ vọng mở rộng do giá đường tăng cộng với sự đóng góp của mảng mới

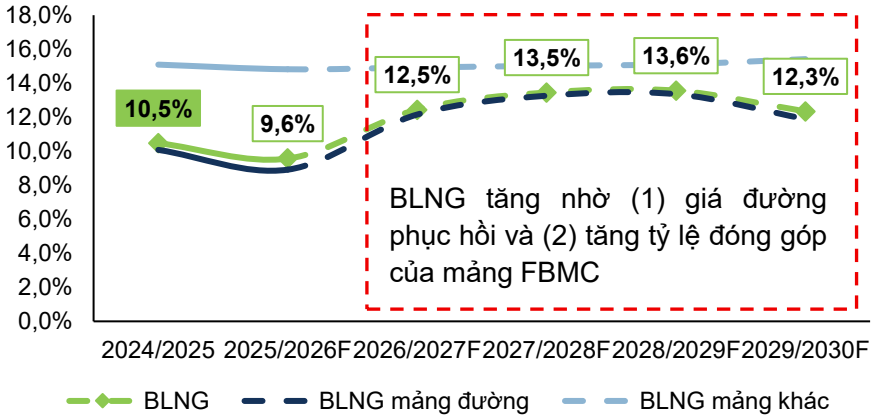

Biểu đồ 19: Tăng tỷ lệ đóng góp của mảng FBMC

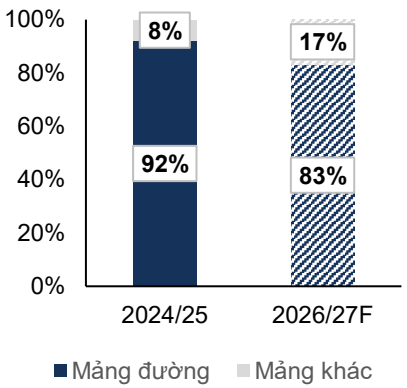

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp và dự phóng

D. YẾU TỐ THEO DÕI

I. Quyết định rà soát cuối kỳ đối với thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đường Thái Lan (Dự kiến công bố vào 07/2026) (Quay lại)

Các biện pháp phòng vệ thương mại đối với đường mía Thái Lan (áp dụng từ 2021) sẽ hết hiệu lực vào tháng 06/2026. Hiện Bộ Công Thương đang thực hiện quá trình rà soát cuối kỳ. Việc gia hạn chính sách này thêm 05 năm được đánh giá là kịch bản có xác suất xảy ra cao dựa trên ba cơ sở thực tế:

- Các hành vi lẩn tránh thuế thông qua các nước ASEAN vẫn diễn biến phức tạp, đòi hỏi một cơ chế bảo vệ liên tục để tránh gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa.
- Giá đường Thái Lan xuất khẩu (sau thuế) hiện thấp hơn giá thành sản xuất trong nước từ 15 - 20%.
- Việc duy trì thuế là sự nhất quán với mục tiêu chiến lược của Chính phủ trong việc bảo vệ sinh kế của hàng trăm nghìn hộ nông dân trồng mía.

Việc tiếp tục áp thuế sẽ là lá chắn quan trọng giúp giá đường trong nước duy trì ở mức cao, trực tiếp hỗ trợ biên lợi nhuận của SBT.

E. DỰ PHÓNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Chúng tôi dự phóng kết quả kinh doanh của SBT trong giai đoạn 2025/26F – 2029/30F dựa trên các giả định sau:

Chỉ tiêu	Giả định
DOANH THU THUẦN	Chúng tôi dự phóng doanh thu thuần 2025/26F đạt 26.558 tỷ VND (-6,8% YoY), cụ thể: ▪ **Sản lượng:** Sản lượng tiêu thụ ước đạt 1,39 triệu tấn (-1% YoY) do giảm đơn hàng xuất khẩu khi giá bán của SBT cao hơn 1 - 3 % so với giá đường thế giới, làm suy giảm khả năng cạnh tranh. ▪ **Giá bán:** Giá bán đường thành phẩm dự báo đạt 17.100 đồng/kg (-9,1% YoY) do tình hình dư cung toàn cầu. Giai đoạn 2026/27F – 2029/30F, doanh thu dự phóng tăng trưởng với CAGR ~3,1%/năm nhờ giá bán kỳ vọng tăng do thiếu hụt cung trở lại và gia tăng doanh thu của mảng FMBC.
BIÊN LỢI NHUẬN GỘP	Chúng tôi dự phóng biên lợi nhuận gộp niên vụ 2025/26F ở mức 9,6% do giá đường Việt Nam và thế giới giảm sâu. Tuy nhiên giá đường dự báo phục hồi lại trong giai đoạn 2026/27F – 2029/30F giúp BLNG mở rộng, dao động từ 12% - 14%.
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Trong 2025/26F, lợi nhuận sau thuế ước đạt ~814 tỷ VND (+0,2% YoY). Giai đoạn 2026/27F – 2029/30F, chúng tôi kỳ vọng LNST tăng trưởng với CAGR = 22,6%/năm khi SBT trả bớt các khoản nợ vay cũ và gia tăng sự đóng góp của mảng FBMC có lợi nhuận cao.

Dựa trên các giả định, kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2025/26F – 2029/30F của SBT được thể hiện như sau:

Biểu đồ 20: Kết quả dự phóng một số chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của SBT

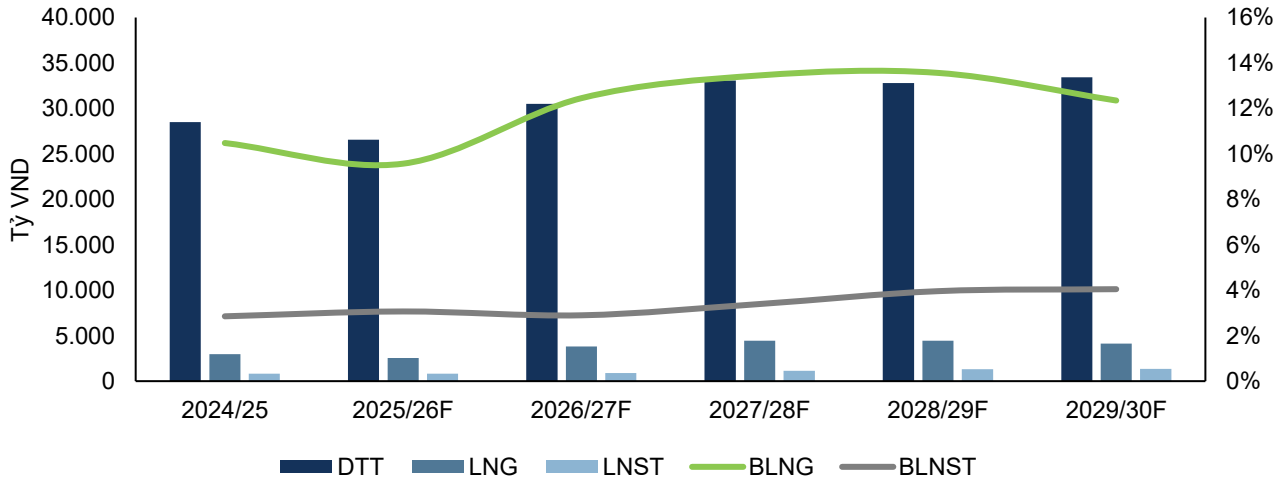

Nguồn: SBT, FPTS tổng hợp và dự phóng

F. ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

Bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do, chúng tôi khuyến nghị **THEO DÕI** với cổ phiếu SBT với mức giá mục tiêu là **19.400 VND/cp**, thấp hơn **4,0%** so với mức giá đóng cửa ngày 12/05/2026.

Kết quả định giá:

STT	Phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền	Kết quả (VND/cp)	Trọng số
1	Dòng tiền tự do chủ sở hữu (FCFE)	20.075	50%
2	Dòng tiền tự do doanh nghiệp (FCFF)	18.803	50%
	Giá mục tiêu	**19.400**	

Thay đổi giả định mô hình DCF

Giả định mô hình	T5/2026	Thay đổi so với T5/2025	Giả định mô hình	T5/2026	Thay đổi so với T5/2025
WACC	11,0%	+0,3 đpt	Phần bù rủi ro	10,4%	+0,5 đpt
Chi phí sử dụng nợ	10,2%	+0,3 đpt	Hệ số Beta không đòn bẩy	0,41	-0,1
Chi phí sử dụng VCSH	13,9%	+0,89 đpt	Tăng trưởng dài hạn	2,5%/năm	-
Lãi suất phi rủi ro	3,73%	+0,65 đpt	Thời gian dự phóng	5	-

Tổng hợp kết quả định giá

Tổng hợp định giá FCFF	Giá trị
Tổng giá trị hiện tại của dòng tiền doanh nghiệp (tỷ VND)	32.522
(+) Tiền mặt (tỷ VND)	-
(-) Nợ ngắn hạn và dài hạn (tỷ VND)	15.628
Giá trị vốn chủ sở hữu (tỷ VND)	**16.078**
Số cổ phiếu lưu hành (triệu cổ phiếu)	855,1
Giá mục tiêu (VND /cp)	**18.803**
Tổng hợp định giá FCFE	
Giá trị hiện tại của dòng tiền vốn chủ sở hữu (tỷ VND)	**17.167**
Giá mục tiêu (VND /cp)	**20.075**

Lịch sử khuyến nghị:

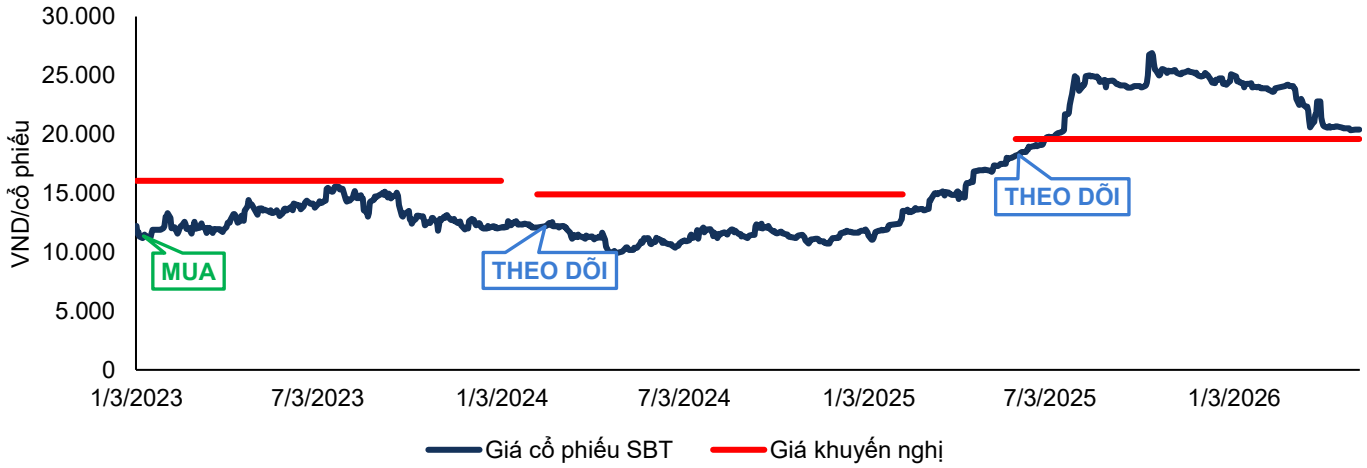

STT	Khuyến nghị	Thời gian	Giá khuyến nghị đã điều chỉnh	Báo cáo chi tiết
1	MUA	10/11/2022	16.050 VND/cp	Báo cáo định giá lần đầu
2	THEO DÕI	07/02/2024	14.900 VND/cp	Báo cáo cập nhật tin tức
3	THEO DÕI	30/05/2025	19.600 VND/cp	Báo cáo định giá lần đầu

G. TÓM TẮT BÁO CAO TÀI CHÍNH DỰ PHÓNG

Kết quả HĐKD (tỷ VND)	2025A	2026F	2027F	2028F
Doanh thu thuần	26.558	30.513	33.060	32.779
Giá vốn hàng bán	(24.017)	(26.714)	(28.612)	(28.333)
Lợi nhuận gộp	2.541	3.799	4.448	4.446
Chi phí bán hàng	(664)	(1.068)	(1.322)	(1.147)
Chi phí quản lí DN	(691)	(1.086)	(1.326)	(1.311)
Lợi nhuận thuần HĐKD	1.186	1.645	1.799	1.987
(Lỗ)/lãi HĐTC	1.114	707	690	712
Lợi nhuận khác	27	31	33	33
Lợi nhuận trước thuế. lãi vay	2.327	2.382	2.523	2.732
Chi phí lãi vay	(1.387)	(1.362)	(1.228)	(1.234)
Lợi nhuận trước thuế	940	1.020	1.295	1.498
Thuế TNDN	(103)	(112)	(142)	(165)
Lợi nhuận sau thuế	836	908	1.152	1.333
Lợi ích cổ đông thiểu số	22	24	30	35
LNST của công ty mẹ	814	884	1.122	1.298
EPS (VND)	1.000	1.085	1.378	1.594

Chỉ số khả năng sinh lời	2025A	2026F	2027F	2028F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	9,6%	12,5%	13,5%	13,6%
Tỷ suất LNST	3,1%	3,0%	3,5%	4,1%
ROE DuPont	8,0%	8,7%	10,0%	11,3%
ROA DuPont	2,5%	2,7%	3,4%	3,8%
Tỷ suất EBIT/doanh thu	8,8%	7,8%	7,6%	8,3%
LNST / LNTT	40,4%	42,8%	51,3%	54,8%
LNTT / EBIT	86,7%	86,7%	86,7%	86,7%
Vòng quay tổng tài sản	0,8x	0,9x	1,0x	1,0x
Đòn bẩy tài chính	3,2x	3,2x	3,0x	3,0x

Chỉ số hiệu quả vận hành	2025A	2026F	2027F	2028F
Số ngày phải thu	122,13	110,22	113,32	118,36
Số ngày tồn kho	63,73	58,46	51,85	58,33
Số ngày phải trả	79,83	87,26	93,55	95,02
Số ngày chuyển đổi tiền mặt	6,70	5,56	7,62	6,48
Giá vốn hàng bán / HTK	6,7x	5,6x	7,6x	6,5x

Chỉ số TK/đòn bẩy TC	2025A	2026F	2027F	2028F
Chỉ số thanh toán hiện hành	1,3x	1,3x	1,3x	1,4x
Chỉ số thanh toán nhanh	1,0x	1,1x	1,1x	1,1x
Chỉ số thanh toán tiền mặt	0,4x	0,5x	0,4x	0,5x
Nợ / Tài sản	0,7x	0,7x	0,6x	0,7x
Nợ / VCSH	2,2x	2,0x	1,8x	2,0x
Nợ ngắn hạn / VCSH	1,6x	1,5x	1,4x	1,5x
Nợ dài hạn / VCSH	0,6x	0,5x	0,4x	0,5x
Khả năng trả lãi vay	1,7x	1,7x	2,1x	2,2x

Cân đối kế toán (tỷ VND)	2025A	2026F	2027F	2028F
Tiền. TĐT. ĐTTC ngắn hạn	7.127	7.612	7.485	8.139
Các khoản phải thu	8.575	9.853	10.675	10.584
Hàng tồn kho	4.803	3.754	4.374	4.682
Tài sản ngắn hạn khác	204	204	204	193
Tổng tài sản ngắn hạn	20.710	21.423	22.739	23.598
Tài sản cố định hữu hình	3.826	3.535	3.227	2.897
Nguyên giá	11.260	11.515	11.764	12.004
Khấu hao lũy kế	(7.434)	(7.980)	(8.537)	(9.107)
Đầu tư tài chính dài hạn	5.111	5.111	5.111	5.111
Tài sản dài hạn khác	1.786	2.108	2.372	2.409
XDCB dở dang	462	455	448	441
Tổng tài sản dài hạn	11.184	11.209	11.157	10.857
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	31.894	32.632	33.896	34.455
Vay và nợ ngắn hạn	10.091	9.096	9.139	10.356
Các khoản phải trả	5.845	6.928	7.738	7.014
Quỹ khen thưởng	13	13	13	13
Nợ ngắn hạn	15.949	16.037	16.890	17.383
Nợ dài hạn	5.538	5.038	4.238	4.938
Tổng nợ	448	715	813	540
Vốn điều lệ	5.986	5.753	5.051	5.478
Thặng dư	21.935	21.790	21.941	22.861
LN chưa phân phối	8.145	8.145	8.145	8.145
Vốn chủ sở hữu	**9.960**	**10.842**	**11.955**	**11.594**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**31.894**	**32.632**	**33.896**	**34.455**

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VND)	2025A	2026F	2027F	2028F
Tiền đầu năm	7.103	7.127	7.612	7.485
Lợi nhuận sau thuế	836	908	1.152	1.333
Khấu hao	535	546	557	570
Dự phòng	18	18	3	-
Thay đổi vốn lưu động	1.850	756	(841)	(1.304)
Tiền từ HĐ kinh doanh	3.239	2.428	872	599
Thanh lý tài sản CĐ	-	-	-	-
Chi mua sắm TSCĐ	(301)	(249)	(242)	(233)
Các HĐ đầu tư khác	-	-	-	-
Tiền từ HĐ đầu tư	(301)	(249)	(242)	(233)
Thay đổi nợ	(1.285)	(1.495)	(757)	1.917
Tăng (giảm) vốn	-	-	-	-
Cổ tức đã trả	(1.629)	-	-	(1.629)
Các HĐTC khác	-	-	-	-
Tiền từ HĐ tài chính	(2.914)	(1.495)	(757)	288
Tổng lưu chuyển tiền thuần	24	485	(127)	654
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-
Tiền cuối năm	7.127	7.612	7.485	8.139

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTS không nắm giữ cổ phiếu SBT, chuyên viên tư vấn và người phê duyệt báo cáo không nắm giữ cổ phiếu của doanh nghiệp này.

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cố phiếu này có thể được xem tại https://ezsearch.fpts.com.vn hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính
Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

ĐT: 19006446
Fax: (84.24) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐT: 19006446
Fax: (84.28) 6 291 0607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp. Đà Nẵng
100 Quang Trung, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

ĐT: 19006446
Fax: (84.236) 3553 888